TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2018
"Về việc Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trung
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thùy Trang
2. Ông Đỗ Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/6/2018 và ngày 27/6/2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2018 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXX- ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Lê Thị D – sinh năm 1984
Địa chỉ: số 124, tổ 11, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Bị đơn: Nguyễn Văn C – sinh năm 1984
Địa chỉ: số 438, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị D, trình bày:

Vào năm 2008 do mai mối, hai gia đình đồng ý làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành, Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 14/4/2008, thời gian chung sống với nhau có 01 người con tên Lê Minh Th – sinh ngày 10/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, chị và anh C sống chung nhà cha mẹ ruột của anh C, do anh C không lo làm ăn thường xuyên cự cải nhau, đến khoảng năm 2010 chị D cùng cháu Th bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị D sinh sống cho đến nay. Anh C không đến thăm nom,

chăm sóc con chung. Nay chị thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung : có 01 người con tên Lê Minh Th – sinh ngày 10/4/2008 hiện cháu Th đang sống chung với chị D.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, có mặt tại nhà, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp vận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Nguyễn Văn C từ chối không nhận.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chuyễn hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng qui định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên toà Kiểm sát Viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khỏan 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D, được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, chấp nhận chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Minh Th, không yêu cầu anh Cảm cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong thời gian chị Lê Thị D khởi kiện anh Nguyễn Văn C có mặt tại địa phương cho đến nay và có sự xác nhận của Công an xã An Khánh, huyện Châu Thành ngày 21/12/2017. Tòa án thụ lý vụ án và cấp tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập và Quyết định của Tòa án niêm yết hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại phiên tòa ngày ngày 08/6/2018 và ngày 27/6/2018 bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* chị D và anh C thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được 01 người con, sau đó phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cự

cải gia đình, anh C quăn đồ dùng của chị D ra sân, đuổi chị D đi khỏi nhà. Đến khoảng năm 2010 chị D và con là cháu Lê Minh Th về nhà cha mẹ ruột chị D sinh sống cho đến nay, anh C không quan tâm đến vợ con. Xét thấy tình cảm giữa chị D và anh C không còn, mâu thuẩn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D quyết định yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C và chị D yêu cầu được nuôi cháu Lê Minh Th sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án lấy lời khai của cháu Lê Minh Th, từ năm 2010 cháu và chị D về nhà ông bà ngoại sinh sống cho đến nay, nguyện vọng của cháu là tiếp tục được sống với chị D sau khi cha mẹ ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình qui định:

" Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành, thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".

Xét thấy chị D và anh C xảy ra mâu thuẩn trầm trọng, chị D ly thân với anh C từ năm 2010 cho đến nay, anh C cũng không tìm cách nào để thuyết phục chị D chung sống lại với nhau, anh C cũng không đến thăm nom, chăm sóc con chung, không quan tâm cuộc sống chung trong gia đình, mục đích hôn nhân cũng không đạt được, nên chị D quyết định ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung*:* có 01 người con tên Lê Minh Th – sinh ngày 10/4/2008 hiện cháu Lê Minh Th đang sống chung với chị D, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Do đó, Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ky hôn của chị Lê Thị D, chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: có 01 người con tên Lê Minh Th – sinh ngày 10/4/2008 hiện cháu Lê Minh Th đang sống chung với chị D, chị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Minh Th sau khi ly hôn và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Minh Th, các thành viên gia đình chị D không được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung*:* không có.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D đã nộp ngày 05/01/2018 theo biên lai số 02797 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, số tiền này được chuyển thành án phí hôn nhân gia đình chị D phải nộp (chị D đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thị hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án, quyết định của tòa án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thế Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân H Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án Dân sự H Châu Thành;
- UBND xã An Khánh, xã Hòa Tân;
- Đương sự;
- Lưu HSVA-HNGĐ.